

Số: 223/TB-HVCh

Tân Phú, ngày 20 tháng 6 năm 2023

THÔNG BÁO
công khai thông tin chất lượng giáo dục tiểu học thực tế
cuối học kì II năm học 2022-2023

Đơn vị: học sinh

Mẫu 6

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp				
			Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Tổng số học sinh	3580	672	785	703	666	754
II	Số học sinh học 2 buổi/ngày	898	309	319	270	0	0
III	Số học sinh chia theo năng lực, phẩm chất	0	0	0	0	0	0
	Tự phục vụ, tự quản	3580	672	785	703	666	754
	Tốt	3439	641	769	629	655	745
	(tỷ lệ % so với tổng số)	96	95.4	98	89.5	98.3	98.8
	Đạt	137	27	16	74	11	9
	(tỷ lệ % so với tổng số)	3.88	4	2	10.5	1.7	1.2
	Cần-cố gắng	4	4	0	0	0	0
	(tỷ lệ % so với tổng số)	0.12	0.6	0	0	0	0
	Hợp tác	3580	672	785	703	666	754
	Tốt	3511	648	769	677	664	753
	(tỷ lệ % so với tổng số)	98.06	96.4	98	96.3	99.7	99.9
	Đạt	67	22	16	26	2	1
	(tỷ lệ % so với tổng số)	1.88	3.3	2	3.7	0.3	0.1
	Cần cố gắng	2	2	0	0	0	0
	(tỷ lệ % so với tổng số)	0.06	0.3	0	0	0	0
	Tự học giải quyết vấn đề	3580	672	785	703	666	754
	Tốt	3364	638	766	626	635	699
	(tỷ lệ % so với tổng số)	93.9	94.9	97.6	89	95.3	92.7
	Đạt	213	31	19	77	31	55
	(tỷ lệ % so với tổng số)	6	4.6	2.4	11	4.7	7.3
	Cần cố gắng	3	3	0	0	0	0
	(tỷ lệ % so với tổng số)	0.08	0.4	0	0	0	0
	Phẩm chất						
	Chăm học chăm làm	3580	672	785	703	666	754
	Tốt	3362	644	771	634	628	685
	(tỷ lệ % so với tổng số)	93.86	95.8	98.2	90.2	94.3	90.8
	Đạt	217	27	14	69	38	69
	(tỷ lệ % so với tổng số)	6.12	4.1	1.8	9.8	5.7	9.2
	Cần cố gắng	1	1	0	0	0	0
	(tỷ lệ % so với tổng số)	0.02	0.1	0	0	0	0
	Tự tin trách nhiệm	3580	672	785	703	666	754
	Tốt	3479	645	773	667	657	737
	(tỷ lệ % so với tổng số)	97.14	96	98.5	94.9	98.6	97.7
	Đạt	101	27	12	36	9	17
	(tỷ lệ % so với tổng số)	2.86	4	1.5	5.1	1.4	2.3

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp				
			Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
	Cần cố gắng	0	0	0	0	0	0
	(tỷ lệ % so với tổng số)	0	0	0	0	0	0
	Trung thực kỷ luật	3580	672	785	703	666	754
	Tốt	3518	662	778	687	651	740
	(tỷ lệ % so với tổng số)	98.22	98.5	99.1	97.7	97.7	98.1
	Đạt	62	10	7	16	15	14
	(tỷ lệ % so với tổng số)	1.78	1.5	0.9	2.3	2.3	1.9
	Cần cố gắng	0	0	0	0	0	0
	(tỷ lệ % so với tổng số)	0	0	0	0	0	0
	Đoàn kết yêu thương	3580	672	785	703	666	754
	Tốt	3558	662	778	700	664	754
	(tỷ lệ % so với tổng số)	99.38	98.5	99.1	99.6	99.7	100
	Đạt	22	10	7	3	2	0
	(tỷ lệ % so với tổng số)	0.62	1.5	0.9	0.4	0.3	0
	Cần cố gắng	0	0	0	0	0	0
	(tỷ lệ % so với tổng số)	0	0	0	0	0	0
IV	Số học sinh chia theo kết quả học tập	3580	672	785	703	666	754
1	Hoàn thành tốt	2852	630	740	531	434	517
	(tỷ lệ % so với tổng số)	79.48	93.8	94.3	75.5	65.2	68.6
2	Hoàn thành	706	31	38	168	232	237
	(tỷ lệ % so với tổng số)	19.90	4.6	4.8	23.9	34.8	31.4
3	Chưa hoàn thành	22	11	7	4	0	0
	(tỷ lệ % so với tổng số)	0.62	1.6	0.9	0.6	0	0
V	Tổng hợp kết quả cuối năm	0	0	0	0	0	0
1	Hoàn thành chương trình lớp học	3558	661	778	699	666	754
	(tỷ lệ % so với tổng số)	99.38	98.4	99.1	99.4	100	100
a	Trong đó:						
	Học sinh được khen thưởng cấp trường	2937	614	710	530	479	604
	(tỷ lệ % so với tổng số)	81.84	91.4	90.4	75.4	71.9	80.1
	Học sinh được cấp trên khen thưởng	0	0	0	0	0	0
	(tỷ lệ % so với tổng số)	0	0	0	0	0	0
	Chưa hoàn thành chương trình lớp học	22	11	7	4	0	0
	(tỷ lệ % so với tổng số)	0.62	1.6	0.9	0.6	0	0

Nơi nhận:

- Trường TH HVCh (để b/cáo);
- Lưu: VT, CM, VA.



Trần Thị Khanh